

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2024.

“Về Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mến và ông Bùi Văn Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày **04/9/2024**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **32/2024/TLST-HNGĐ** ngày **02/4/2024** về “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **13/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày **31/7/2024** và Quyết định hoãn phiên tòa số: **13/2024/QĐST-HNGĐ** ngày **16/8/2024** giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị **Quách Thị N**, sinh năm 1971

Cùng cư trú tại: Khu L, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh **Bùi Văn Q** trình bày:*

Anh **Bùi Văn Q** và chị **Quách Thị N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Về nguyên nhân ly hôn, **anh Q** cho rằng từ đầu năm 2008, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, chị N không tôn trọng ý kiến của anh, nhiều lần đuổi anh ra khỏi nhà, dẫn đến cãi vã. Sau những lần cãi nhau, vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau, hai bên gia đình có khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được, nên anh Q quyết định sống ly thân với chị N từ đầu năm 2008 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, anh Q làm đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung, **anh Q và chị N** có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 26/7/1999 và cháu Bùi Thị Hạnh H1, sinh ngày 19/9/2002, cả hai con đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Q trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Đối với bị đơn (**chị N**) có biết việc giải quyết ly hôn nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng **chị N** vẫn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của **chị N** và không tiến hành kiểm tra chứng cứ và không hòa giải được.

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Do **chị N** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hai bên không thống nhất được với nhau về việc **ly hôn, tài sản và công nợ chung**.

Kết quả xác minh: Đại diện chính quyền địa phương xác nhận, **anh Q** và **chị N** kết hôn với nhau tự nguyện. Quá trình chung sống anh Q và chị N có phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, dẫn đến sống ly thân.

Về con chung, **anh Q và chị N** có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 26/7/1999 và cháu Bùi Thị Hạnh H1, sinh ngày 19/9/2002, cả hai con đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Về tài sản và công nợ chung: **Anh Q và chị N không có tài sản chung và cũng không nợ ai.**

Về thủ tục tổng đạt: Đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận, **chị N** được Tòa án tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản, nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (**chị N**) đã được Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng **chị N** đều vắng mặt; anh **Bùi Văn Q** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của **anh Q và chị N** mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của **anh Q** được ly hôn với **chị N** là có căn cứ.

- Về con chung: **Anh Q và chị N** có 02 con chung là cháu **Bùi Thị Thanh H**, sinh ngày 26/7/1999 và cháu **Bùi Thị Hạnh H1**, sinh ngày 19/9/2002, cả hai con đã trưởng thành và lập gia đình riêng, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Căn cứ vào lời khai của **anh Q** và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy **anh Q và chị N** không có, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (**anh Q**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình: Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình có hộ khẩu và cùng nơi cư trú tại tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, bị đơn (**chị N**) trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng cố tình không hợp tác; anh Bùi Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: **Anh Q và chị N** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy **anh Q và chị N** không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ **đầu năm 2008** đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của **anh Q** đối với **chị N** là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: **Anh Q và chị N** có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh H, sinh ngày 26/7/1999 và cháu Bùi Thị Hạnh H1, sinh ngày 19/9/2002, cả hai cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng, nên không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: **Anh Q và chị N** không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (**anh Q**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **anh Bùi Văn Q** đối với **chị Quách Thị N**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Bùi Văn Q** được ly hôn với **chị Quách Thị N**.
2. Về án phí: Anh **Bùi Văn Q** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **anh Q** đã nộp, theo biên lai thu tiền

số 0003189 ngày 02/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Anh **Bùi Văn Q** và chị **Quách Thị N** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kim Bôi, ngày 04 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ phút, ngày 04 tháng 9 năm 2024

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh K.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn M và ông Bùi Văn N1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/03/2024 về “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị **Quách Thị N**, sinh năm 1971

Cùng cư trú tại: Khu L, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt tại phiên tòa).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **anh Bùi Văn Q** đối với **chị Quách Thị N**.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Bùi Văn Q** được ly hôn với **chị Quách Thị N**.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí: Anh **Bùi Văn Q** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **anh Q** đã nộp, theo biên lai thu tiền số **0003189 ngày 02/4/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo: Anh **Bùi Văn Q** và chị **Quách Thị N** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ .. phút ngày 04 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

